**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**BÀI 8: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

1. **MỤC TIÊU CHUNG CỦA BÀI**
2. **Kiến thức:**

- Nhận biết được đặc điểm của văn nghị luận xã hội; Mục đích và nội dung chính; ý kiến, lí lẽ bằng chứng và mối quan hệ của chúng qua một số văn bản cụ thể.

- Vận dụng được kiến thức về liên kết, mạch lạc trong văn bản vào đọc hiểu, viết, nói và nghe có hiệu quả.

- Biết viết một bài văn nghị luận và trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

**2. Về năng lực**

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***\* Năng lực đặc thù***

- Xác định được vấn đề nghị luận trong văn bản.

- Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng của văn bản.

- Nhận biết được cách trình bày luận điểm luận cứ.

- Viết được đoạn văn nghị luận xã hội sau khi đã học xong văn bản.

**2. Về phẩm chất:**

*-* Tự hào về truyền thống yêu nước, có lối sống giản dị, khiêm nhường và biết ơn những thế hệ đã hi sinh vì Tổ quốc.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu tri thức đọc - hiểu** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm cặp đôi  - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để hoàn thiện phiếu học tập  **A picture containing calendar  Description automatically generated**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu một vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức trên các slide và chuyển dẫn sang mục sau. | **1. Văn nghị luận xã hội:**  **- Khái niệm:** Văn nghị luận xã hội được viết ra nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một tư tưởng, quan điểm nào đó, hướng tới giải quyết những vấn đề đặt ra trong đời sống.  **- Đặc điểm của văn nghị luận xã hội:**  - Luận điểm: Quan điểm, tư tưởng của người viết.  - Luận cứ: Dẫn chứng và lí lẽ  - Lập luận: Cách dẫn dắt, trình bày … luận cứ để làm sáng tỏ luận điểm.  **2. Liên kết và mạch lạc trong văn bản:**  - Liên kết là thể hiện mối quan hệ nội dung giữa các câu, các đoạn, các phần của văn bản bằng phương tiện ngôn ngữ thích hợp.  - Mạch lạc là sự thống nhất về chủ đề và tính logic của văn bản. Một văn bản được coi là có tính mạch lạc khi các câu, các đoạn, các phần của văn bản đều nói về một chủ đề và được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. |

**Đọc – hiểu văn bản**

**TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA**

**– *Hồ Chí Minh* –**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kết quả hình ảnh cho bác hồ"** | **Kết quả hình ảnh cho bác trong cuộc chiến tranh biên giới"** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhân vật và sự kiện trong lịch sử Việt Nam.

- Các phiếu học tập.

1. **Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở soạn, vở ghi, phiếu học tập theo yêu cầu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp (1 phút)**

**2. Kiểm tra phần chuẩn bị bài của học sinh (Lồng ghép trong tiết học)**

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** | |
| **a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.  **c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đưa hình ảnh lên màn chiếu, HS suy nghĩ trong 5 giây. HS nào có đáp án nhanh nhất sẽ được quyền trả lời.  - Nếu trả lời sai, thì mất lượt và HS khác được quyền trả lời thay th  ***GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Các em biết là lịch sử của Việt Nam ta gắn liền với các cuộc chiến chống giặc ngoại xâm. Xuyên suốt chiều dài lịch sử từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XX, chúng ta đã trải qua vô vàn những khó khăn và gian khổ. Vì sao một đất nước đất không rộng, người không đông như đất nước ta mà luôn luôn chiến thắng tất cả bọn xâm lược, dù chúng mạnh đến đâu và từ đâu tới?*  *Có thể nói, trong suốt hành trình đó thì điều quan trọng nhất làm nên chiến thắng của cách mạng đó chính là tinh thần yêu nước. Tinh thần ấy đến từ những anh hùng dân tộc như Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi hay Quang Trung nói riêng và của toàn dân tộc Việt Nam nói chung. Và tinh thần yêu nước ấy đã được Hồ Chí Minh khẳng định trong Văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II mà người đọc tại Hội nghị. Nội dung của văn kiện đó cũng chính là nội dung văn bản mà chúng ta học ngày hôm nay.* | |
| 1. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| 1. **Mục tiêu:**   - Nắm được các tri thức đọc - hiểu trong bài 8.  - Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.*  - Phân tích những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.  **b. Nội dung:** Học sinh sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành câu trả lời.  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| **Hoạt động 1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.*** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi  - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị từ ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết.  Phiếu học tập số 1  Hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của tác giả  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu một vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau  *Là người Việt Nam không ai là không biết chủ tịch Hồ Chí Minh- vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc. Cả cuộc đời Người vì nước, vì dân. Không những thế, Người còn là nhà thơ, nhà văn lớn. Người đã để lại cho đời một sự nghiệp văn chương đồ sộ. Sau này nế có điều kiện các con hay tìm đọc những tác phẩm này.*  **GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về tác phẩm.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **a. Đọc**  - Hướng dẫn đọc nhanh.  + Ở văn bản này các con đọc với giọng mạch lạc, rõ ràng, dứt khoát nhưng vẫn thể hiện được tình cảm.  - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.  **b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:**  ? Hãy nêu xuất xứ văn bản.  ? Dựa vào tri thức Ngữ văn em hãy cho biết văn bản thuộc kiểu văn bản gì? Vì sao? Hãy nêu vấn đề mà người viết bàn luận trong văn bản.  ? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | | 1. **VĂN BẢN “TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA”** 2. **Tìm hiểu chung**   **1. Tác giả**  A person with a beard  Description automatically generated with medium confidence  - Hồ Chí Minh ( 1890 - 1969)  - Quê ở Nam Đàn - Nghệ An  - Là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và cách mạng Việt Nam.  - Là một nhà văn, nhà thơ lớn, một danh nhân văn hóa thế giới  **2. Tác phẩm**  **a. Đọc - chú thích**  **- Đọc.**  **- Chú thích:**  **+ Kiều bào**  **+ Vùng tạm bị chiếm**  **+ Điền chủ.**  **b. Tìm hiểu chung**  **\* Xuất xứ:**  Văn bản được trích trong Báo Cáo Chính trị tại Đại hội lần thứ II, tháng 2/1951 của Đảng Lao động Việt Nam.  **\* Kiểu văn bản:** Nghị luận  **\* Bố cục:** Văn bản chia làm 3 phần.  Diagram  Description automatically generated |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Trình bày những đặc trưng thể loại của văn bản nghị luận qua “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** tìm hiểu  **GV** hướng dẫn HS tìm hiểu bằng cách đặt các câu hỏi phụ (nếu HS không trả lời được).  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV** yêu cầu một vài HS trình bày cảm nhận của mình về nhan đề văn bản.  **HS** trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS  - Chốt nội dung (sản phẩm).  - Chuyển dẫn sang nội dung sau. | | 1. **Một số đặc trưng thể loại của văn bản nghị luận:**   - Thể loại: Văn nghị luận.  - Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận  - Luận điểm chính: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta (Nhan đề)  - Luận điểm nhỏ:  + Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.  + Biểu hiện của lòng yêu nước trong quá khứ và ngày nay.  + Bổn phận và trách nhiệm của chúng ta trong việc giữ gìn, phát huy lòng yêu nước.  - Dẫn chứng được trình bày cụ thể, theo trình tự thời gian. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Câu nào là câu chủ đề của đoạn 1?  ? Tác giả đã có nhận định, đánh giá như thế nào ở ngay phần đặt vấn đề?  ? Ở đây, tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì? Nêu tác dụng của nghệ thuật đó?  ***Dự kiến tình huống khó khăn***: HS gặp khó khăn trong câu hỏi số 3.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**  - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  **GV** hướng dẫn HS chú ý đoạn 1  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.  ***GV:*** *Nhiều người cho rằng, văn nghị luận dễ khô khan vậy mà khi đọc đoạn văn nghị luận của Bác lại chẳng thấy khô khan chút nào bởi Bác đã sử dụng một cách linh hoạt các nghệ thuật so sánh, liệt kê, các động từ, tính từ mạnh. Chính điều đó đã làm cho văn nghị luân của Bác có giọng điệu truyền cảm, hình ảnh sinh động khiến cho người đọc dễ cảm, dễ nhớ và dễ đi vào lòng người. Bằng lòng tự hào dân tộc và tài năng nghệ thuật, Bác đã ngợi ca truyền thống quý báu của dân tộc đồng thời Người khẳng đinh tinh thần yêu nước của nhân dân ta đã tạo nên sức mạnh quật khởi vô song để một dân tộc Việt Nam nhỏ bé có thể chiến thắng mọi kẻ thù lớn mạnh..*  **GV chuyển**: Nếu ở phần nêu vấn đề tác giả chủ yếu dùng lí lẽ để giúp ngươi đọc nhận thức một cách nhanh gọn thì sang phần giải quyết vấn đề lại tập trung sử dụng dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề. Đó là những biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước. Cô trò ta cùng sang phần tiếp theo. | | 1. **Nhận định về lòng yêu nước của nhân dân ta:**   - Câu chủ đề: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước”  - Nghệ thuật:  + So sánh: Tinh thần yêu nước - làn sóng vô cùng mạnh mẽ.  + Liệt kê: mạnh mẽ, to lớn, nguy hiểm, khó khăn, bán nước, cướp nước.  + Các động từ mạnh: Kết thành, lướt qua, nhấn chìm.  + Các tính từ: Sôi nổi, mạnh mẽ, to lớn, nguy hiểm, khó khăn.  + Điệp cấu trúc: “nó kết thành”, “nó lướt qua”, “nó nhấn chìm”  - Tác dụng:  Ngợi ca và khẳng định sức mạnh vô cùng mạnh mẽ và quật khởi của nhân dân mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Phiếu học tập số 3  ? Tác giả đã triển khai vấn đề trong phần 2 theo trình tự nào?  ? Để làm sáng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân ta, trong phần 2 tác giả đã đưa ra những lí lẽ và bằng chứng nào? Hãy liệt kê lí lẽ và dẫn chứng theo bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Lí lẽ** | **Dẫn chứng** | |  |  |   ? Các dẫn chứng tác giả đưa ra được sắp xếp theo trình tự nào?  ? Nhận xét gì về nghệ thuật lập luận của tác giả trong phần 2  ? Hãy nêu tác dụng của nghệ thuật lập luận đó.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: đọc ngữ liệu trong SGK (đoạn 3), suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi.  **GV**:  - **Dự kiến KK**: HS khó trả lời câu hỏi số 1  - **Tháo gỡ KK**: GV nói thêm về các nhân vật lịch sử mà Bác đã dẫn.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau.  *Bằng một đoạn văn ngăn, lời văn dạt dào cảm xúc, lí , dẫn chứng điển hình Bác đã thể hiện niềm tự hào và chứng minh cho truyền thống yêu nước của dân tộc ta từ buổi đầu dựng nước. Đồng thời cũng là lời* ***nhắc nhở*** *của Bác về* ***thái độ trân trọng lịch sử*** *của cha ông đi trước.*  *Ngoài việc liệt kê các đối tượng yêu nước, tác giả còn kể đến những biểu hiện yêu nước khác.*  *- Những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày...*  *- Công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội...*  *- Phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải...*  *- Bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội...*  *- Công nhân, nông dân thi đua tăng gia sản xuất...*  *- Đồng bào điền chủ quyên ruộng đất cho Chính phủ...*  🡪 Đây là các dẫn chứng vừa cụ thể, vừa khái quát vừa chọn lọc, vừa toàn diện đầy sức thuyết phục. Bác đã khẳng định một cách hùng hồn, mạnh mẽ về việc phát huy truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam  Lòng yêu nước được thể hiện trên tinh thần đoàn kết toàn dân, không phân biệt lứa tuổi, nghề nghiệp, địa bàn cư trú, các giai tầng xã hội.  Đến đây cô lại nhớ tời nhà thơ Chế Lan Viên với những vần thơ dạt dào cảm xúc:  *Ôi Tổ quốc ta yêu như máu thịt*  *Như mẹ cha ta, như vợ như chồng*  *Ôi Tổ quốc! Nếu cần ta chết*  *Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi con sông.*  - Để phát huy truyền thống yêu nước ấy, Bác đã đề ra nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân là gì, cô trò ta cùng sang phần 3 của văn bản | | 1. **Biểu hiện của lòng yêu nước**   - Triển khai vần đề theo trình tự thời gian rất logic, mạch lạc   |  |  | | --- | --- | | **Lí lẽ** | **Dẫn chứng** | | Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân ta | Chúng ta có quyền tự hào về những trang sử thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Quang Trung ... | | Đồng bào ta ngày nay rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước | Từ các cụ già tóc bạc ... chính phủ. |   - Các dẫn chứng được sắp xếp theo trình tự thời gian; theo lứa tuổi; theo vùng miền …  - Nghệ thuật lập luận: Điệp cấu trúc kết hợp chặt chẽ, hài hòa với phép liệt kê để vừa bao quát được tất cả mọi tầng lớp vừa thể hiện được sự biểu hiện đa dạng của tinh thần yêu nước. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Bác đã nhận định như thế nào về tinh thần yêu nước ở đoạn cuối.  ? Ở đây Bác đã nêu ra mấy trạng thái tinh thần yêu nước? Em hiểu gì về các trạng thái đó.  ? Sau đó Bác đã nêu ra bổn phận và nhiệm vụ của mỗi chúng ta như thế nào?  ? Như vậy mục đích Bác viết văn bản này để làm gì? Các dẫn chứng lí lẽ có hướng tới làm sáng tỏ mục đích đó không?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: đọc ngữ liệu trong SGK (đoạn 3), suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi.  **GV**:  - **Dự kiến KK**: HS khó trả lời câu hỏi số 1  - **Tháo gỡ KK**:  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau.  ***GV:*** *Việc đề ra nhiệm vụ, trách nhiệm của Đảng với dân tộc là việc khô khan, lí trí, vậy mà Bác đã nói một cách mền mại, uyển chuyển nên có giá trị thuyết phục cao.* | | **4.Nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân:**  - Tinh thần yêu nước giống như các thứ của quý.  - Hai trạng thái của tinh thần yêu nước: Có khi được trưng bày, có khi được cất giấu kín đáo.  - Nhiệm vụ của chúng ta phải giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.  => Nhiệm vụ chung: Phát huy tinh thần yêu nước. |
| **Hoạt động 3: Tổng kết văn bản** | | |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”?  ? Qua giờ học, em rút ra bài học gì khi khám phá một văn bản nghị luân?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide  **GV**: Chúng ta nhận ra phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh trong văn nghị luận vừa rõ ràng, chặt chẽ vừa kết hợp với biểu cảm, bộc lộ cảm xúc để làm sáng tỏ và tự hào về tinh thần yêu nước của nhân dân ta. | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  Phương pháp lập luận chặt chẽ, thuyết phục  - Nêu dẫn chứng toàn diện  - Những câu văn giàu hình ảnh, biểu cảm  **2. Nội dung**  Bài văn đã làm sáng tỏ chân lí: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước"  **3. Cách đọc hiểu văn bản nghị luận**  - Cần xác lập hệ thống luận điểm, luận cứ rõ ràng  - Trình bày luận điểm, luận cứ theo một trình tự mạch lạc, hợp lí để làm sáng tỏ vấn đề.  - Quan điểm, tư tưởng mà người viết muốn gửi gắm qua văn bản. |
| 1. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | |
| **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.  **b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.  **c. Sản phẩm:**  Câu 1: B; Câu 2: B; Câu 3: A; Câu 4: A; 5D; 6D  **d. Tổ chức thực hiện** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS  **Câu 1: Bài văn tinh thần yêu nước của nhân dân ta được viết trong thời kỳ nào?**  A. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ  B. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp  C. Thời kỳ đất nước ta xây dựng CNXH ở miền Bắc  D. Những năm đầu thế kỷ XX  **Câu 2: Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta diễn ra vào thời gian nào?**   1. 1930 – 1945 B. 1946 – 1954 C. 1954 – 1975   **Câu 3: Tính "truyền thống" của lòng yêu nước được làm rõ trong văn bản bởi yếu tố nào?**  A - Chứng minh theo thời gian xưa - nay  B - Chứng minh bằng những biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước  C - Giải thích bằng lí lẽ  **Câu 4: Đoạn văn từ *Đồng bào ta ngày nay* đến *lòng nồng nàn yêu nước* đã trình bày dẫn chứng bằng biện pháp nghệ thuật nào là chính?**   1. Liệt kê B. Nhân hoá C. Điệp ngữ D. Hoán dụ   **Câu 5: Dòng nào phản ánh đúng nhất về văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta?***  *A -* Bố cục chặt chẽ, lập luận rành mạch  B - Dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, toàn diện,  C - Giọng văn giàu xức cảm  D - Văn bản nghị luận mẫu mực  **Câu 6: Văn bản *Tinh thần yêu nước của hhân dân ta* có sức thuyết phục, làm người đọc xúc động bởi vì sao?**  A - Thực tế lòng yêu nước nồng nàn của người Việt Nam được nói đến trong văn bản  B - Do cách trình bày của tác giả  C - Bản thân Bác đã là tấm gương sáng của lòng yêu nước  D - Cả ba ý trên  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Chiếu bài tập  **HS:** Đọc yêu cầu của bài và lựa chọn đáp án  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS lựa chọn đáp án.  - HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng. | | |
| 1. **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | | |
| **a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.  **b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  **c. Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).  **d. Tổ chức thực hiện** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**  ? Viết một đoạn văn nghị luận khoảng nửa trang giấy trình bày suy nghĩ của em về cách thể hiện lòng yêu nước của nhân dân ta trong Phòng chống đại dich Covid.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** gợi ý cho HS khái niệm lòng yêu nước, biểu hiện và vai trò của lòng yêu nước của nhân dân ta trong phòng chống đại dịch covid.  **HS** suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm vào tiết học sau.  **HS** nộp sản phẩm cho GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS. | | |

**4. Hướng dẫn tự học ở nhà**

**\* Bài cũ:** Nắm vững những kiến thức đã học trong tiết.

**\* Bài mới:**

- Hoàn thành bài soạn: ***Đức tính giản dị của Bác Hồ.***

***+ Nhóm 1,2: Chuẩn bị về tác giả, tác phẩm.***

***+ Nhóm 3,4: Tìm hiểu về nội dung văn bản.***

**\* RÚT KINH NGHIỆM**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Đọc hiểu văn bản**

**ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ**

**– *Phạm Văn Đồng* –**

**I. TRƯỚC GIỜ HỌC**

- Đọc tri thức ngữ văn và lập sơ đồ tư duy bài văn nghị luận.

- Đọc văn bản để hiểu thêm về Bác Hồ

- Tìm hiểu thông tin về tác giả Phạm Văn Đồng

- Chuẩn bị phiếu học tập 1,2,3,4.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp (1 phút)**

**2. Kiểm tra phần chuẩn bị bài của học sinh (Lồng ghép trong tiết học)**

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** | |
| **\*Mục tiêu:**  - Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; học sinh huy động những hiểu biết từ cuộc sống kết nối vào bài học.  **\*Tổ chức thực hiện:** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  ? Trong cuộc sống hàng ngày, em đã gặp người có lối sống giản dị chưa? Hãy giới thiệu về một người có lối sống giản dị mà em biết (Ông bà, bố mẹ, thầy, cô giáo hoặc bạn bè cùng lớp…)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ, trả lời.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh trình bày.  - HS khác nhận xét, tương tác.  **\* Kết luận, nhận định**  - Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.  - GV dẫn dắt vào bài mới:  Bác Hồ vị cha già kính yêu của dân tộc Việt Nam, là danh nhân văn hóa thế giới, cả cuộc đời Người sống vì Tổ quốc vì nhân dân. Một trong những phẩm chất tốt đẹp và sáng ngời của Bác là đức tính giản dị. Vậy để hiểu hơn về sự giản dị của Bác, mời các em đến với bài văn *“Đức tính giản dị của Bác Hồ”* của tác giả Phạm Văn Đồng. | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | |
| **a. Mục tiêu:**  Giúp HS nêu được những nét chính về tác giả, tác phẩm  **b. Nội dung**:  - HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt động 1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm** | |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)***  ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Giuyn Véc- nơ?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  **HS** quan sát SGK.  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  **HS** trả lời câu hỏi.  ***B4: Kết luận, nhận định (GV)***  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | **I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả:**  - Phạm Văn Đồng (1906-2000), quê Quãng Ngãi.  - Nhà cách mạng nổi tiếng, nhà văn hóa lớn. Là cộng sự, là học trò xuất sắc của BH. |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)***  -Kiểm tra phần đọc ở nhà***.***  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  - Tìm hiểu kiến thức chung về văn bản  + Xuất xứ  + Thể loại  + PTBĐ  + Bố cục  + Đề tài  + Chủ đề  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  **HS**: Lắng nghe và chuẩn bị  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  **HS**: | **2. Tác phẩm**  **a. Đọc và tìm hiểu chú thích.**  **b. Hoàn cảnh - xuất xứ.**  - Đoạn trích rút từ bài “*Chủ tịch Hồ Chí Minh tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại” bài diễn văn tại Lễ kỉ niệm 80 năm ngày sinh CT HCM (19/5/1970)*  **c. Bố cục:** 2 phần  + P1: Phần 1: Giới thiệu vấn đề. Giới thiệu về cuộc đời hoạt động cách mạng và cuộc sống giản dị thanh bạch của Bác Hồ.  + P2: Phần 2,3,4: Giải quyết vấn đề. Chứng minh sự giản dị của Bác Hồ. |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản** | |
| **\* B1: Chuyển giao nhiệm vụ 1 (GV)**  - Tìm hiểu 1 số đặc trưng về thể loại văn bản  + Thể loại  + PTBĐ  + Đề tài  + Chủ đề  **\* B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm việc cá nhân  **\* B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời  - HS khác quan sát, nhận xét, tương tác.  **\* B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2  **\* B1: Chuyển giao nhiệm vụ 2 (GV)**  - Nghiên cứu về cách nêu vấn đề của tác giả?  + Ở phần nêu vấn đề tác giả đề cập đến vấn đề gì? Vấn đề đó được khái quát ở câu văn nào?  + Nhận xét về cách nêu vấn đề của tác giả? (ở đoạn 1). Em học được gì từ cách nêu vấn đề trong bài nghị luận của PVĐ?  **\* B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm việc cá nhân  **\* B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời  - HS khác quan sát, nhận xét, tương tác.  **\* B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2 | **II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**  **1. Một số đặc trưng về thể loại:**  **- Thể loại.** Văn nghị luận xã hội.  Vấn đề nghị luận: Lối sống giản dịcủa BH.  **- PTBĐ:** Nghị luận (kết hợp giải thích, chứng minh và bình luận)  **- Đề tài:** Viết về lãnh tụ Hồ Chí Minh**.**  **- Luận điểm:** Đức tính giản dị của Bác (nhan đề).  **2. Nêu vấn đề. (Đoạn 1 ab)**  **\* Đoạn 1 a:**  - *Sự nhất quán giữa đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất với đời sống bình thường vô cùng giản dị và khiêm tốn của Hồ Chủ Tịch.*  🡪Nghệ thuật lập luận: Nêu vấn đề trực tiếp bằng câu văn gồm 2 vế vừa đối lập vừa bổ sung cho nhau.  Khẳng định nét nổi bật trong nhân cách vĩ đại của Bác:  + Là bậc vĩ nhân lỗi lạc, phi thường.  + Là người thật bình dị, gần gũi.  **\* Đoạn 1 b:**  - Giải thích rõ hơn về luận điểm chính.   * - Nghệ thuật lập luận:   + Mở bài trực tiếp, ngắn gọn, rõ ràng.  + Ngôn ngữ chuẩn mực, biểu cảm.  - Cảm xúc của tác giả: Ngưỡng mộ, trân trọng, tự hào. |
| **\* B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập 3 (GV)**  - GV đặt câu hỏi, định hướng hướng tìm hiểu cho HS  ? Ở phần giải quyết vấn đề tác giả triển khai những nội dung gì? Cách triển khai những nội dung ấy có gì đặc sắc?  ?Nhận xét về cách viết nghị luận của tác giả ở phần 2? Điều gì làm nên sức thuyết phục ở phần này?   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Chi tiết** | **Vẻ đẹp của Bác** | **Khái quát NT** | | **Bữa cơm** |  |  |  | | **Nơi ở** |  |  |  | | **Việc làm** |  |  |  | | **Quan hệ với mọi người** |  |  |  |   **\* B2: Thực hiện nhiệm vụ 2 (HS)**  - Lớp chia thành 4 nhóm, thảo luận trong 5 phút  - HS làm việc theo nhóm, phân công nhanh nhiệm vụ các thành viên trong nhóm.  **\* B3: Báo cáo, thảo luận 2:**  - Đại diện nhóm trình bày.  - HS khác quan sát, nhận xét, tương tác.  **\* B4: Kết luận, nhận định 2:**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động của HS. | **3. Giải quyết vấn đề.**  Đưa ra những lí lẽ và dẫn chứng chứng minh -> Giải thích, bình luận -> khái quát lại vấn đề  **\* Đoạn 2:** **Sự giản dị của Bác trong cuộc sống.**  - **Bữa cơm**: Chỉ có vài ba món đơn giản, ăn không để rơi vãi một hạt, ăn xong cái bát bao giờ cũng sạch, thức ăn còn lại được sắp xếp tươm tất.  - **Nơi ở**: Nhà sàn vẻn vẹn có vài ba phòng luôn lộng gió và ánh sáng, phảng phất hương thơm của hoa vườn.  - **Việc làm**: Bác suốt đời làm việc, suốt ngày làm việc, từ lớn đến nhỏ: cứu nước, cứu dân.  Việc nhỏ: trồng cây,…  - **Quan hệ với mọi người**: Viết thư cho một đồng chí.  + Nói chuyện với các cháu miền Nam.  + Đi thăm nhà tập thể công nhân, đặt tên cho người phục vụ: Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi.  -> Dẫn chứng tiêu biểu, phong phú, cụ thể, xác thực, toàn diện, nhận xét, bình luận sâu sắc, lập luận chứng minh kết hợp bình luận, biểu cảm.  => Giản dị là một trong những phẩm chất thể hiện tư tưởng, tình cảm cao đẹp của Bác. |
| **\* B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập 4 (GV)**  - GV đặt câu hỏi, định hướng hướng tìm hiểu cho HS  ? Xác định nội dung nghị luận được đề cập đến trong phần 3, 4  ? Trong phần 3, cách nghị luận có gì khác?  ? Trong phần 4, để người đọc hiểu sâu sắc hơn về đức tính giản dị của Bác và sức mạnh của phẩm chất cao quý đó, tác giả đã thuyết phục như thế nào?  **\* B2: thực hiện nhiệm vụ 3 (HS)**  - HS suy nghĩ, làm việc theo nhóm đôi  **\* B3: Báo cáo, thảo luận 3 (HS)**  - Đại diện nhóm trình bày.  - HS khác quan sát, nhận xét, tương tác.  **\* B4: Kết luận, nhận định 3 (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động của HS.  **GV bình**: Để làm rõ sự giản dị về đời sống vật chất càng hòa nhập với đời sống tinh thần phong phú, sôi nổi của Bác.  **GV phát vấn:**  ? Kết thúc văn bản, có câu: “Những chân lí giản dị mà sâu sắc đó lúc thâm nhập vào quả tim và bộ óc của hàng triệu con người đang chờ đợi nó, thì đó là sức mạnh vô địch, đó là chủ nghĩa anh hùng cách mạng.”. Theo em, tác giả muốn khẳng định điều gì qua câu kết này?  ? Qua bài văn em học tập được gì về cách trình bày luận điểm, dẫn chứng, cách lập luận của tác giả? | **\* Đoạn 3:** **Nêu lí lẽ, giải thích, bình luận:**  Đời sống vật chất giản dị của Bác được kết hợp hài hoà với đời sống tâm hồn vô cùng phong phú, cao thượng.  **\* Đoạn 4:** **Giản dị trong lời nói, bài viết**  - “*Không có gì quí hơn độc lập tự do”.*  *- “Nước Việt Nam là một…không bao giờ thay đổi”*  -> Dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, lập luận chứng minh kết hợp bình luận, biểu cảm.  => Dễ hiểu, có sức tập hợp, lôi cuốn, cảm hóa lòng người.  => Lời Bác đã khơi dậy lòng yêu nước, ý chí cách mạng trong quần chúng nhân dân |
| **Hoạt động 3: Tổng kết văn bản** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS: *Qua tìm hiểu văn bản, em có nhận xét gì về nội dung và nghệ thuật thể hiện trong văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, suy nghĩ để tổng kết bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 3 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức  - Ghi lên bảng. | **III. TỔNG KẾT:**  **1. Nghệ thuật:**  + Lập luận chặt chẽ, mạch lạc.  + Dẫn chứng cụ thể, lí lẽ, bình luận sâu sắc, giàu sức thuyết phục.  + Giọng văn sôi nổi, thiết tha.  **2. Nội dung:**  **+** Ca ngợi đức tính giản dị, phẩm chất cao đẹp của chủ tịch HCM.  + Gợi nhắc bài học về học tập, rèn luyện làm theo tấm gương đạo đức HCM.  **3. Cách đọc hiểu văn bản nghị luận**  - Xác định vấn đề nghị luận  - Xây dựng hệ thống lí lẽ, dẫn chứng  - Đọc, hiểu văn bản. |
| 1. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **\*Mục tiêu:**  - Cũng cố kiến thức, làm rõ mối quan hệ của ý kiến, lí lẽ, bằng chứng bằng sơ đồ. Biết ứng dụng sơ đồ trong việc tóm tắt nội dung bài học.  **\*Tổ chức thực hiện:** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **\* B1: GV giao nhiệm vụ học tập:**  Bài tập: Hãy vẽ sơ đồ tư duy về trình tự lập luận của văn bản?  **\* B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh làm việc cá nhân-> nhóm đôi  **\* B3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trình bày, hs khác tương tác.  **\* B4: Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức. Chiếu PP | Gợi ý:  Luận điểm chính  Luận cứ  Dẫn chứng |
| 1. **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **\*Mục tiêu:**  - Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.  **\*Tổ chức thực hiện:** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **\* B1: GV giao nhiệm vụ học tập:**  **?** Qua văn bản, em hiểu như thế nào là đức tính giản dị? Em sẽ làm gì để rèn luyện đức tính ấy?  ? Sưu tầm một số tác phẩm ca ngợi phong cách sống giản dị, thanh cao của Bác.  **\* B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh làm việc cá nhân  **\* B3: Báo cáo, thảo luận:**  - Gửi bài thao hướng dẫn của GV.  **\* B4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét, nhắc nhở những hs chưa nộp hoặc nộp chậm. | **Gợi ý 1:**  - Qua văn bản, em hiểu đức tính giản dị là một trong những đức tính, phẩm chất cao đẹp mà mỗi người cần tạo lập cho mình. Đức tính ấy được biểu hiện ở lối sống đơn giản không xa hoa, không cầu kì; ở nhiều khía cạnh: ăn mặc, nói năng, hành động,...  - Để rèn luyện đức tính ấy em sẽ:  + Nói năng nhỏ nhẹ, dễ nghe, dễ hiểu, lễ phép với mọi người  + Ăn đơn giản, gia đình có gì ăn nấy, không đòi hỏi.  **Gợi ý 2:**  **-** Các tác phẩm văn học trong chương trình Ngữ văn THCS  **-** Các tác phẩm thơ của Tố Hữu, Trần Đăng Khoa…  - Các bài hát ca ngợi BH. |

**\* Hướng dẫn về nhà: (1p)**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại văn bản

+ Soạn bài: **THTV: Liên kết, mạch lạc của văn bản**

***- Nhóm 1+2: Làm rõ tính mạch lạc của văn bản: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.***

***- Nhóm 3+ 4: Phân tích tính liên kết của văn bản: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta***

**\* RÚT KINH NGHIỆM**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

==========================================

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**LIÊN KẾT VÀ MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN**

**I. TRƯỚC GIỜ HỌC**

- Đọc tri thức ngữ văn.

- Tìm hiểu thông tin về tính mạch lạc của các văn bản đã học.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp (1 phút)**

**2. Kiểm tra phần chuẩn bị bài của học sinh (Lồng ghép trong tiết học)**

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG: MỞ ĐẦU** | |
| **a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Thực hành tiếng Việt.*  **b. Nội dung:** Giáo viên yêu cầu học sinh phát hiện lỗi sai trong đoạn văn.  **c. Sản phẩm:** HS phát hiên ra các lỗi thuộc vê tính liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên chia lớp thành 2 nhóm tham gia trò chơi: ***Ai nhanh hơn?***  Em hãy phát hiện một số lỗi trong đoạn văn sau:  “ *(1)Tôi nhớ đến mẹ tôi “lúc người còn sống tôi lên mười”. (2) Mẹ tôi âu yếm dắt tay tôi đi trên con đường dài và hẹp. (3) Sáng nay, lúc cô giáo đến thăm, tôi nói với mẹ có nhỡ thốt ra một lời thiếu lễ độ. (4) Chiều nay, mẹ hiền từ của tôi cho tôi đi dạo chơi với anh con trai lớn của bác gác cổng.”*  *“Năm nay tôi bị ở lại lớp.(1) Mẹ đã khóc.(2)”*  *Nhóm nào phát hiện đúng nhiều lỗi nhất sẽ chiến thắng.*  ( 2 Bảng phụ ghi các lỗi)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh thảo luận, cử đại diện trình bày trên bảng phụ  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Học sinh trình bày sản phẩm thảo luận  + Giáo viên gọi học sinh nhận xét, bổ sung phần trình bày của nhóm bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  Giáo viên nhận xét và giới thiệu bài học: *Đó là các lỗi thuộc về tính liên kết và mạch lạc trong văn bản. Trong bài ngày hôm nay, cô sẽ giúp các em tìm hiểu sâu hơn về nội dung kiến thức đó và cụm động từ.* | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**  - Trình bày được thế nào là *liên kết và mạch lạc trong văn bản*.  *-* Sử dụng *liên kết và mạch lạc trong văn bản* khi nói và viết  **b. Nội dung:** Học sinh sử dụng sách giáo khoa, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học bằng hình thức hoạt động nhóm.  **c. Sản phẩm học tập:** Học sinh trả lời các kiến thức về lỗi liên kết, tính mạch lạc trong đoạn văn; hiểu về cụm đông từ.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Tìm hiểu về Liên kết và mạch lạc trong văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 2 nhóm.  ? Chữa đoạn văn trên cho đúng?  ? Muốn người đọc hiểu được thì người nói (viết) cần chú ý điều gì?  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe yêu cầu -> thực hiện yêu cầu  - HS làm việc nhóm.  **Bước 3:Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh đại diện nhóm trình bày  - Giáo viên gọi học sinh nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  Giáo viên nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  Giáo viên phát vấn:  ? Em hãy tìm điểm giống và khác nhau giữa liên kết và mạch lạc.  ? Nêu hiểu biết của em về cụm động từ? Lấy ví dụ minh hoạ?  Giáo viên chốt kiến thức. | **1. Liên kết và mạch lạc trong văn bản**  **- Liên kết** là sự thể hiện mối quan hệ về nội dung giữa các câu, các đoạn, các phần của văn bản bằng phương tiện ngôn ngữ thích hợp.  - **Mạch lạc** là sự thống nhất về chủ đề và tính lô gich của văn bản. Một văn bản được coi là có tính mạch lạc khi các phần, các đoạn, các câu của văn bản đều nói về một chủ đề và được sắp sếp theo một trình tự hợp lí.  **2. Cụm động từ**  - Là loại tổ hợp gồm nhiều từ, trong đó có động từ làm thành tố trung tâm.  - Cụm động từ đầy đủ gồm 3 phần (phần phụ trước, phần trung tâm, phần phụ sau) |
| **C. HOẠT ĐỘNG: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Luyện tập các kiến thức đã học.  **b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Chia lớp thành 2 nhóm  **Nhóm 1. Bài 1: (sgk/ tr 42)**   Hãy làm rõ tính mạch lạc của văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Hồ Chí Minh) bằng cách chứng minh các phần, các đoạn, các câu của văn bản này đều nói về một chủ đề và được sắp xếp theo một trình tự rất hợp lí.  **Nhóm 2. Bài 2: (sgk/ tr 42, 43)**  Phân tích tính liên kết của văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Hồ Chí Minh):  a) Xác định các biện pháp liên kết và những từ ngữ được dùng làm phương tiện liên kết các câu trong đoạn văn thứ nhất và đoạn văn thứ hai của văn bản.  b) Xác định những câu có tác dụng liên kết đoạn văn chứa chúng với đoạn văn đứng trước trong văn bản trên  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe yêu cầu -> thực hiện yêu cầu  - HS làm việc nhóm.  **Bước 3:Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh đại diện nhóm trình bày  - Giáo viên gọi học sinh nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  => Ghi lên bảng.  **Bài 3: (sgk/ tr43)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Tìm vị ngữ là cụm động từ trong những câu dưới đây. Xác định động từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi cụm động từ đó.  *a) Ở việc làm nhỏ đó, chúng ta càng thấy Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người phục vụ. (Phạm Văn Đồng)*  *b) Nhưng chớ hiểu lầm rằng Bác sống khắc khổ theo lối nhà tu hành, thanh tao theo kiểu nhà hiền triết ẩn dật. (Phạm Văn Đồng)*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nghe yêu cầu -> thực hiện yêu cầu  - Học sinh thảo luận theo nhóm đôi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Học sinh trình bày kết quả của nhóm  + Giáo viên gọi học sinh nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  + Giáo viên nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **Bài 1**  Tính mạch lạc của văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta:*  - Các câu văn đoạn văn đều xoay quanh chủ đề yêu nước  Câu chủ đề: Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.  - Các phần các đoạn được sắp xếp theo một trình tự hợp lí:  + Phần mở đầu nêu chủ đề bàn luận: dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.  + Phần tiếp theo nêu các khía cạnh, nội dung nhỏ của vấn đề, làm rõ chủ đề chung của văn bản:     |  |  | | --- | --- | | Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. | Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... | | Đồng bào ngày nay cũng rất yêu nước | - Các cụ già, em nhỏ, dân miền ngược miền xuôi…ai cũng yêu nước ghét giặc….  - Bộ đội bám giặc, hậu phương nhịn đói để phần tiền tuyến;  - Công nhân tăng gia sản xuất… |   **+ Phần kết thúc vấn đề:**Khẳng định truyền thống yêu nước quý báu của nhân dân, và kêu gọi mọi người hành động, phát huy tinh thần ấy.  **Bài 2**  a) Các biện pháp liên kết và những từ ngữ được dùng làm phương tiện liên kết các câu trong đoạn văn thứ nhất và đoạn văn thứ hai của văn bản là:  - Biện pháp lặp từ: tinh thần yêu nước; chúng ta; ta; lòng nồng nàn yêu nước.  - Biện pháp thay thế từ ngữ: lòng nồng nàn yêu nước - đó; yêu nước - ấy, nó  - Biện pháp nối: các từ ngữ nối như từ…đến; tuy…nhưng; những;  b) Những câu có tác dụng liên kết đoạn văn chứa chúng với đoạn văn đứng trước trong văn bản:  - Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta.  - Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước.  - Tiinh thần yêu nước cũng giống như các thứ của quý.  **Bài 3:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thành phần trước** | **Thành phần trung tâm** | **Thành phần sau** | | càng | ***thấy*** | ***Bác quý … vụ.*** | | Chớ | ***hiểu lầm*** | ***Bác sống … ẩn dật*** | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  [**Viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) nêu cảm nghĩ của em về một văn bản nghị luận đã học. Chỉ ra tính mạch lạc và các biện pháp liên kết được sử dụng trong đoạn văn đó.**](https://vietjack.com/soan-van-lop-7-cd/viet-mot-doan-van-neu-cam-nghi-cua-em-ve-mot-van-ban-nghi-luan-da-hoc.jsp)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và thực hiện yêu cầu  - HS làm việc cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh trình bày kết quả ( đọc đoạn văn)  - Giáo viên gọi học sinh nhận xét bài làm của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  + Giáo viên nhận xét, bổ sung, cho điểm và cho học sinh tham khảo đoạn văn trình bày cảm nghĩ về một văn bản nghị luận đã học. | Bác Hồ - hai tiếng gọi thân thương biết mấy! Người là vị lãnh tụ vĩ đại, vị cha già kính yêu của dân tộc. Trong cuộc sống cũng như công việc, Người luôn là một hình mẫu về sự giản dị, khiêm tốn. Đó là một đức tính, một phẩm chất đáng quý được Phạm Văn Đồng thể hiện rõ nét trong văn bản *Đức tính giản dị của Bác Hồ*. Theo ông, đức tính ấy được thể hiện trong mọi mặt của Bác như bữa cơm hàng ngày chỉ có vài ba món đơn giản, nơi ở của Bác là nhà sàn đơn sơ mộc mạc với vài phòng; trong lời nói bài viết của Người cũng hết sức giản dị “Nước VN là một, dân tộc VN là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn song chân lí ấy không hề thay đổi”. Sự giản dị, thanh bạch trong đời sống của Người là một tấm gương sáng cho mọi thế hệ học tập và noi theo. Là học sinh em sẽ cố gắng rèn luyện theo những phẩm chất quý báu ấy để sau này trở thành con người có ích trong gia đình và xã hội.  - Tính mạch lạc: các câu trong đoạn đều tập trung làm sáng tỏ chủ đề: Sự giản dị của Bác trong cuộc sống và công việc.  - Biện pháp liên kết: phép lặp ( Việt Nam, đức tính), phép thế (Bác Hồ- Người, cha già, Bác; Phạm Văn Đồng –ông; đức tính giản dị- đức tính ấy…) |

**4. Hướng dẫn tự học ở nhà**

**\* Bài cũ:** Nắm vững những kiến thức đã học trong tiết.

**\* Bài mới:**

***+ Nhóm 1: Tìm hiểu những nét khái quát, đặc trưng về tác giả Uông Ngọc Dậu và văn bản “Tượng đài vĩ đại nhất”***

***+ Nhóm 2: Giải thích ý nghĩa nhan đề của văn bản “Tượng đài vĩ đại nhất”***

**\* RÚT KINH NGHIỆM**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Thực hành đọc hiểu**

**“TƯỢNG ĐÀI VĨ ĐẠI NHẤT**

**– *Uông Ngọc Dậu* –**

**I. TRƯỚC GIỜ HỌC**

- Đọc văn bản “Tượng đài vĩ đại nhất”, tra từ điển từ ngữ khó.

- Tìm hiểu thông tin về tác giả Uông Ngọc Dậu.

- Chuẩn bị phiếu học tập 1,2,3,4.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về nhà báo Uông Ngọc Dậu và văn bản “Tượng đài vĩ đại nhất”.

- Các phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **Ổn định tổ chức:**
2. **Kiểm tra bài cũ (Lồng ghép trong tiết dạy)**
3. **Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**   **a. Mục tiêu**: tạo tâm thế để học sinh tiếp thu kiến thức.  **b. Nội dung**:  **- GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.  **- HS** quan sát video, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong video với tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học.  **c. Sản phẩm:** Cảm nhận của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.  **d. Tổ chức thực hiện**: | |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Quan sát video TƯỢNG ĐÀI BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG: NGUYỄN THỊ THỨ, video của Trần Văn Đây travel. Hãy nêu cảm nhận của em sau khi xem video?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS** quan sát video, lắng nghe lời trong video và suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi.  **- GV** hướng dẫn HS quan sát video.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **GV** chỉ định HS trả lời câu hỏi.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các học sinh khác.  - Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.  GV dẫn vào bài: *Các em thân mến! Đất nước thân yêu của chúng ta đã trải qua hàng nghìn năm Bắc thuộc, 80 năm chịu sự đô hộ của thực dân Pháp, 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, 20 năm kháng chiến chống đế quốc Mĩ. Đất nước ta đã có bao nhiêu những người chiến chí đã ngã xuống để bảo vệ đất nước dành độc lập tự do cho dân tộc. Cuộc sống tươi đẹp mà cô và các em đang hưởng thụ đó là máu là nước mắt của bao thế hệ đi trước, mỗi bản thân chúng ta phải sống, học tập và luôn tri ân nhớ về công lao của ông cha ta.*  *Văn bản “Tượng đài vĩ đại nhất ” của nhà báo Uông Ngọc Dậu hôm nay cô và các em tìm hiểu sẽ cho chúng ta hiểu biết thêm về sự hi sinh cao cả đó.* |  |
| * **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Tìm hiểu khái quát về tác giả và tác phẩm .  - Nắm được nội dung chính và bố cục của một văn bản nghị luận.  - Giúp HS hiểu được ý nghĩa nhan đề và sự ra đời của văn bản.  - Nhận biết được bố cục của một văn bản nghị luận.  - Vai trò và nhiệm vụ của từng phần trong văn bản  - Xác định được lí lẽ, dẫn chứng, lập lập và nghệ thuật khi viết văn bản nghị luận  **b. Nội dung**:  **- GV** sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung.   * **- HS** dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm   **c. Sản phẩm:** Cảm nhận của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.  **d. Tổ chức thực hiện**: | |
| * **Hoạt động 1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi  - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị từ ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết.  Graphical user interface, website  Description automatically generated  Phiếu học tập số 1  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **1. Tác giả**  A person holding a cup  Description automatically generated with medium confidence  - Nhiều năm làm trưởng đại diện cơ quan Đài tiếng nói Việt Nam tại Tây Nguyên, Uông Ngọc Dậu gắn bó và am hiểu Tây Nguyên như một người được sinh ra từ đó.  - Chuyển ra Hà Nội, ông phụ trách Hệ phát thanh dân tộc. Tiếp tục mở ra biên độ mới, không phải chỉ là Tây Nguyên, mà là các vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong khắp cả nước. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  a. Đọc  - Hướng dẫn đọc.  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  + Thể hiện rõ giọng điệu.  - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:    **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | **2. Tác phẩm:**  a) Đọc và tóm tắt:  - Đọc  - Tóm tắt  **b) Tìm hiểu chung:**  **- Xuất xứ**: Trích trong “*Bình luận 6 giờ”*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 27/07/2017.  **- Kiểu văn bản:**  nghị luận.  **- Bố cục (3 phần)**  - Phần 1 (từ đầu đến “*truyền từ đời này sang đời khác*”): Giới thiệu vấn đề.  - Phần 2 (tiếp theo đến “*bình minh*”): Giải quyết vấn đề - dẫn chứng về sự hi sinh đó (địa danh, con người).  - Phần 3 (còn lại): Kết thúc vấn đề - Tình cảm của tác giả với tượng đài vĩ đại nhất |
| * **Hoạt động 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Văn bản đề cập đến vấn đề gì? Vì sao nói vấn đề đó rất đáng quan tâm?  - Nhan đề của văn bản gợi cho em suy nghĩ gì? Hãy trình bày hiểu biết của em về “tượng đài” và ngày 27/7?  - Mục đích của văn bản là gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** xác định vấn đề, tìm hiểu nhan đề văn bản và suy nghĩ cá nhân.  **GV** quan sát và hướng dẫn học sinh  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV** yêu cầu một vài HS nói về vấn đề của văn bản, trình bày cảm nhận của mình về nhan đề văn bản.  **HS** trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS  GV: Với nhan đề “*Tượng đài vĩ đại nhất*” không phải chúng ta vì nhớ ơn mà xây thật nhiều các tượng đài. Mà phải hiểu sự hi sinh của ông cha ta đã trở thành tượng đài vĩ đại nhất, chúng ta sinh ra trong hòa bình nhưng luôn tự nhắc nhở bản thân mình về cội nguồn để từ đó cố gắng hơn nữa học tập tốt, gìn giữ và xây dựng đất nước giàu mạnh hơn.  - Chốt nội dung (sản phẩm).  - Chuyển dẫn sang nội dung sau. | ***1. Một số đặc trưng cơ bản của thể loại nghị luận xã hội:***  - Thể loại: nghị luận  - Phương thức biểu đạt:nghị luận.  - Vấn đề: sự hi sinh của con người Việt Nam.  -> Vấn đề đó rất đáng quan tâm vì sự hi sinh đó là sự đánh đổi cuộc sống, máu xương, mạng sống của con người để đổi lấy tương lai tương sáng về sau, cho các thế hệ tiếp theo.  ***-*** Tìm hiểu nhan đề văn bản***:***  + Tượng đài: là công trình kiến trúc lớn gồm một hoặc nhiều bức tượng, đặt ở địa điểm thích hợp, dùng làm biểu trưng cho một dân tộc, một địa phương, đánh dấu một sự kiện lịch sử hay tưởng niệm người có công lao lớn.  + “Tượng đài vĩ đại nhất” được hiểu theo nghĩa bóng muốn nói tới sự hi sinh của các vị anh hùng để dành độc lập cho dân tộc. Sự hi sinh đó được thế hệ trẻ ghi nhớ, tự hào và biết ơn.  + Ngày 27/7: là ngày thương binh liệt sĩ.  *- Ý nghĩa: Văn bản là lời tri ân của tác giả tới các vị anh hùng đã ngã xuống hi sinh cho tổ quốc.*  *-* Mục đích*:* để cho người đọc thấy được sự hi sinh của con người Việt Nam, đặc biệt là trong kháng chiến và cho người đọc hiểu được "tượng đài vĩ đại nhất" là gì. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  \* Vòng 1. Nhóm chuyên gia  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: các nhóm đọc và trả lời các câu hỏi sau:  + Nhóm 1: Câu 1,2.  + Nhóm 2: Câu 3,4  Text  Description automatically generated with low confidence  - Thời gian: 10 phút.  \* Vòng 2: nhóm mảnh ghép  - Các nhóm đổi thành viên và thảo luận các câu hỏi ở vòng 1. Hoàn thiện phiếu học tập của mình.  - Thời gian: 10 phút.  ***Dự kiến tình huống khó khăn***: HS gặp khó khăn trong câu hỏi số 2 - Tác giả sử dụng nghệ thuật gì?  **Tháo gỡ**: (GV gợi ý HS bằng cách hướng dẫn các em đọc đoạn văn: “*mỗi ngọn núi, mỗi dòng sông, mỗi tấc đất…..; Trên mọi nẻo đường đất nước, từ Tây Bắc…từ con đường Trường Sơn đến con đường trên Biển Đông...” ;“ có nơi đâu không có dấu tích…có nơi đâu không lưu giữ …..*”) những đoạn văn trên sử dụng nghệ thuật gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**  - Suy nghĩ và thảo luận  **GV** quan sát và hướng dẫn học sinh  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS bất kì trong nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ của học sinh khi thảo luận có tích cực không; câu trả lời của HS đã đúng và nêu bật được vấn đề chưa hay còn lan man chưa sâu sắc  - GV nhận xét và mở rộng: Tại sao người dân Việt Nam sẵn sàng hi sinh vì nghĩa lớn? Bởi lẽ chúng ta có truyền thống yêu nước ngàn đời, chúng ta thấu hiểu được giá trị của tự do vì thế người dân VN sẵn sàng đứng lên lật đổ sự thống trị của những kẻ xâm lược.  - Qua văn bản các em hiểu thêm được sự hi sinh mất mát của thế hệ đi trước vì thế càng trân quý nền độc lập ta có trong hiện tại. | **2. Tìm hiểu nội dung văn bản:**  **a. Phần giới thiệu vấn đề:**  - Ý kiến: ở trên đất nước Việt Nam ở vùng quê nào cũng có những câu chuyện về sự hi sinh.  - Tác giả lập luận rất chặt chẽ khoa học, từ cụ thể đi ra đến khái quát. Khẳng định:  + Con người Việt Nam đều sẵn sàng hi sinh vì nghĩa lớn.  + Sự hi sinh vì nghĩa lớn đã trở thành huyền thoại và được truyền từ đời này sang đời khác.  *-> Cách giới thiệu vấn đề rõ ràng dễ hiểu.*  **b. Phần giải quyết vấn đề:**  Những dẫn chứng và lí lẽ được tác giả sử dụng:  ***Đoạn 2:***  ***- Lí lẽ:*** Sự hi sinh, đóng góp công của, sức lực, trí tuệ vì non sông đất nước của người Việt Nam là vô bờ bến."  ***- Dẫn chứng:***  + "Trên dải đất hình chữ S này, mỗi ngọn núi, mỗi dòng sông, mỗi tấc đất đều thành sự tích, đều in hình bóng những anh hùng liệt sĩ xả thân vì dân tộc..."  + "Trên mọi nẻo đường đất nước, từ Tây Bắc, Việt Bắc đến miền Trung, Nam Bộ, Tây Nguyên... từ con đường Trường Sơn đến con đường trên Biển Đông và cả con đường trên không, có nơi đâu không có dấu tích của cuộc chiến tranh vệ quốc; có nơi đâu không lưu giữ hình hài, vóc dáng của những người con ưu tú đất Việt! Mảnh đất có máu xương chiến sĩ trộn hòa trở nên vô cùng thiêng liêng; đấy chính là phên giậu, pháo đài, cột mốc vững bền."  *→ Tác giả đã sử dụng biện pháp liệt kê, lặp để có thể thể hiện những hi sinh vô bờ bến của người dân Việt Nam trên con đường bảo vệ nền độc lập dân tộc. Mất mát và thương đau nhưng người Việt Nam anh dũng đương đầu với kẻ thù xâm lược hướng tới ước mơ độc lập tự do, dân chủ hòa bình.*  ***Đoạn 3.***  ***- Lí lẽ :"***Cách hi sinh vì nghĩa lớn của người con đất Việt luôn ngẩng cao đầu, hướng về phía trước."  ***- Dẫn chứng:***  + "Biết bao nhà yêu nước cách mạng ra pháp trường, biết đầu rơi, máu chảy vẫn lạc quan, tin vào ngày mai chiến thắng."  + "Hàng ngàn, hàng vạn chiến sĩ cách mạng bị địch bắt bớ tù đày, tra tấn bằng đủ thứ cực hình, vẫn một dạ trung kiên."  + "Những chiến sĩ ôm bom ba càng, bom xăng xông lên ngăn xe tăng giặc; những thanh niên xung phong biến mình thành cọc tiêu bên bom nổ chậm, dẫn đường cho đoàn xe ra trận, biết mình có thể hi sinh vẫn không chùn bước..."  → *Tác giả đã liệt kê ra hàng loạt những hành động việc làm tiêu biểu sẵn sàng hi sinh về nghĩa lớn. Trong lịch sử của dân tộc còn nhiều lắm những hành động việc làm vĩ đại mà không thể kể ra hết nhưng tất cả để thể hiện con người Việt Nam kiên cường bất khuất.*  **c. Kết thúc vấn đề:**  **-** Tác giả đã gửi đến thông điệp: “Tượng đài vĩ đại nhất là hình hài Tổ quốc, có máu xương, mồ hôi công sức,…ngày một ấm no, hạnh phúc!”  - Đó lại là "tượng đài vĩ đại nhất" vì trong hình hài Tổ quốc có máu xương, mồ hôi, công sức, trí tuệ của lớp lớp anh hùng, liệt sĩ qua bao thăng trầm vẫn nguyên vẹn, tròn đầy.  -> *Kết thúc vấn đề là sự tri ân tới các vị anh hùng đã hi sinh vì đất nước và là niềm tự hào về lịch sử vẻ vang của dân tộc.* |
| * **Hoạt động 3: Tổng kết văn bản** | |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  ? Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật của văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Tượng đài vĩ đại nhất ”?  ? Qua giờ học, em rút ra bài học gì khi viết một tác phẩm nghị luận?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật:**  - Sử dụng nghệ thuật lặp, liệt kê… để đưa ra các dẫn chứng thuyết phục.  - Dẫn chứng rõ ràng, chân thật.  - Lập luận chặt chẽ, các đoạn liên kết với nhau.  - Văn bản mạch lạc hướng đến mục đích chung nói đến sự tri ân các anh hùng.  **2. Nội dung:**  - Văn bản thể hiện những suy nghĩ về sự hi sinh cao cả của biết bao nhiêu đồng chí, đồng bào để có được đất nước hôm nay.  - Tự hào về những trang lịch sử vẻ vang của dân tộc.  **\* Bài học:**  - Khi viết văn bản nghị luận cần ý kiến đưa ra phải rõ ràng. Dẫn chứng lí lẽ hợp lí, thuyết phục. Lập luận chặt chẽ, liên kết. Văn bản phải mạch lạc rõ ràng. Bố cục rõ ràng, đầy đủ. |
| 1. **Hoạt động luyện tập**   **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.  **b) Nội dung:** em hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện bài học hôm nay  **c) Sản phẩm:**  sơ đồ tư duy của học sinh  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:** vẽ sơ đồ  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trình bày bài làm  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét  Dự kiến sản phẩm |  |

Diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Hoạt động: Vận dụng**   **a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.  **b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**  ? Viết một đoạn văn (khoảng 6-8 dòng) giải thích vì sao thế hệ trẻ cần phát huy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** gợi ý cho HS nắm rõ cách trình một đoạn văn (hình thức và nội dung)  **HS** đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm  **HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT (enetviet) mà GV hướng dẫn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn… | THAM KHẢO  Trong kho tàng tục ngữ Việt Nam, em thích nhất là câu: "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây". Câu tục ngữ này nói đến việc con người phải biết ghi nhớ công ơn của những người đã tạo ra cho mình thành quả để thụ hưởng. Câu tục ngữ này đồng thời cũng nói lên một truyền thống của người Việt Nam ta, đó là truyền thống "uống nước nhớ nguồn". Ngày nay, thế hệ trẻ càng nên phát huy truyền thống này. Bởi lẽ, đây là một truyền thống đẹp đẽ, thể hiện sự có trước, có sau, biết ơn của người Việt Nam. Đồng thời, khi thế hệ trẻ hiểu rằng để có một đất nước hòa bình, ấm no như ngày nay, cha ông từ bao đời trước đã phải đánh đổi bằng mồ hôi, xương máu, công sức, trí tuệ. Đó là những vất vả, hi sinh lớn lao của thế hệ trước, thế hệ mà chỉ có thể hi vọng vào tương lai. Mà tương lai lại chính là thế hệ trẻ ngày nay. Chắc chắn, những bạn trẻ Việt Nam và trên thế giới đều biết ơn những thành quả tốt đẹp mà các thế hệ trước để lại, đều biết phát huy truyền thống "uống nước nhớ nguồn". |

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Hướng dẫn về nhà.** |  |

**\* Bài cũ:** Nắm vững những kiến thức đã học trong tiết.

**\* Bài mới: Chuẩn bị bài “Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống”.**

+ Nhóm 1 : Tìm hiểu về yêu cầu của phần định hướng

+ Nhóm 2: Tìm hiểu về phần thực hành.

**\* RÚT KINH NGHIỆM**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ngày soạn:.............

Ngày dạy:..............

**Viết**

**VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG**

**I. TRƯỚC GIỜ HỌC:**

- Đọc SGK, lập dàn ý và tập nói ở nhà theo hướng dẫn của SGK

- Tranh ảnh về một số hiện tượng trong đời sống xã hội

- Các phiếu học tập.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp (1 phút)**

**2. Kiểm tra phần chuẩn bị bài của học sinh (Lồng ghép trong tiết học)**

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** | |
| **a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.  **c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:** Các hình ảnh sau giúp em liên tưởng đến vấn đề nào đang tồn tại trong xã hội?  Công nghệ đang giúp chúng ta giải quyết vấn đề khan hiếm nguồn nước trên  toàn cầu như thế nào? – Quốc Gia Khởi NghiệpBÁO ĐỘNG KHẨN CẤP NGUY CƠ CẢ THẾ GIỚI THIẾU NƯỚC SẠCH TRẦM TRỌNGBảo vệ nguồn nước là bảo vệ chính cuộc sống chúng ta  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-HS**: Suy nghĩ cá nhân và trả lời  **-GV** quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **-HS**: Trình bày  **-GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá thái độ làm việc của HS.  - GV dẫn vào bài | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **Hoạt động 1: Định hướng** | |
| 1. **Mục tiêu:**   HS hiểu được thế nào là viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống, nêu ra được ví dụ, các yêu cầu, lưu ý đối với kiểu bài văn này.  **b. Nội dung:** Học sinh sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành câu trả lời.  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm cặp đôi  - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để hoàn thiện phiếu học tập    **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu một vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức trên các slide và chuyển dẫn sang mục sau. | a) Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống là nêu lên những suy nghĩ và đưa ra được lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến của người viết về hiện tượng ấy.  b) Hiện tượng đời sống thường do đề bài nêu lên nhưng cũng có thể do người viết tự xác định. Dưới đây là một số ví dụ về hiện tượng đời sống cần quan tâm:  - Phải trồng nhiều cây xanh.  - Việc nuôi các con vật trong nhà.  - Việc sử dụng nước ngọt.  - Việc sử dụng bao bì ni lông.  - Hiện tượng học sinh chơi game(*Game* ở đây hiểu là trò chơi điện tử.)  - Một hiện tượng cần biểu dương trong nhà trường.  - Những lưu ý khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống:  + Xác định được vấn đề cần bàn uận  + Tìm hiểu các tư liệu liên quan đến ấn đề xã hội cần nghị luận  + Giải thích vấn đề và làm sáng tỏ ý kiến của mình bằng việc nêu ra lí lẽ và bằng chứng. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG** | |
| **Hoạt động 2: Thực hành** | |
| **a. Mục tiêu:** HS thực hành viết được bài văn đảm bảo các bước  **b. Nội dung:** HS áp dụng được kiến thức lí thuyết để thực hành làm đề văn: Viết bài văn để trả lời cho câu hỏi: “Thế nào là lối sống giản dị”?  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **Bước 1: Chuẩn bị** | |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS và sản phẩm cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS thực hiện ở nhà phần Chuẩn bị bằng cách hoàn thiện phiếu học tập số 2  - Hoặc GV có thể sử dụng padlet để phân chia nhiệm vụ cho HS chuẩn bị trước ở nhà:  + Nhóm 1: Thế nào là giản dị? Biểu hiện của giản dị được thể hiện qua những phương diện nào?  + Nhóm 2: Vì sao chúng ta cần sống giản dị?  + Nhóm 3: Sưu tầm một số tấm gương sống giản dị trong nước và ngoài nước.  + Nhóm 4: Chúng ta cần làm gì để rèn luyện lối sống giản dị cho mình  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu các nhóm báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện nhóm trình bày sản phẩm. Các cặp nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các nhóm đã báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những nhóm không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho các nhóm đã báo cáo.  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | - Đọc kĩ lại văn bản “Đức tính giản dị của bác Hồ” và xem lại nội dung đọc hiểu văn bản này.  - Xem mục Định hướng nêu trên để nắm vững các yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống xã hội.  - Tập hợp những hiểu biết từ sách, báo,… và đời sống thực tế về những lời dạy và tấm gương có lối sống cao đẹp, giản dị. |
| **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Kết hợp với phần chuẩn bị ở mục (1) để trả lời các câu hỏi tìm ý.  - Dựa vào các ý đã tìm được, HS xây dựng dàn ý cho bài viết vào phiếu học tập.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Làm việc cá nhân và trả lời  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức. | **\* Tìm ý:**  Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:  + Thế nào là giản dị?  + Tính giản dị được biểu hiện qua những phương diện nào?  + Tại sao cần sống giản dị?  + Em biết những tấm gương nào về lối sống giản dị trong thực tế, sách báo?  + Em có suy nghĩ như thế nào về việc rèn luyện cho mình lối sống giản dị?  **\* Lập dàn ý:**  - Mở bài:  + Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận  + Nêu vấn đề  - Thân bài:  + Nêu quan niệm về lối sống giản dị  + Nêu biểu hiện của lối sống giản dị  - Kết bài:  + Khẳng định vai trò của lối sống giản dị  + Nêu suy nghĩ về hướng rèn luyện của bản thân |
| **Bước 3: Viết bài** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS viết bài văn.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe, thực hiện.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, bổ sung. | **\* Viết bài:** |
| **Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV cùng HS chỉnh sửa bài viết của 1 HS trong lớp.  (GV chiếu bài của 1 HS trong lớp lên slide)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe, thực hiện.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung. |  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS tự chỉnh sửa bài viết của mình.  - GV mời HS đọc lại các yêu cầu chỉnh sửa trong SGK (bài 6 mục Viết phần d trang 14)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe, thực hiện.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung.  **\* GV kết luận:**  Chỉnh sửa là một khâu rất  quan trọng để hoàn chỉnh bài viết của mình. Các em cần tiếp tục chỉnh sửa,  hoàn thiện bài viết của mình. Những bài viết hay sẽ được công bố trên trang web  hoặc tạp chí của nhà trường. | - Kiểm tra, nhận biết các lỗi về dàn ý.  - Kiểm tra, nhận biết các lỗi về hình thức (chính tả, ngữ pháp, dùng từ, liên kết đoạn,...). Chỉnh sửa các lỗi đó trong bài viết. |

**4. Hướng dẫn tự học ở nhà**

**\* Bài cũ:** Nắm vững những kiến thức đã học trong tiết.

**\* Bài mới:**

- Hoàn thành bài văn trong tiết học.

- Chuẩn bị bài nói: Thảo luận nhóm về một vấn đề trong đời sống.

**\* RÚT KINH NGHIỆM**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………



**PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT**

*Em hãy đánh giá bài viết của bạn bằng cách tích vào mức độ đạt được của bạn. Nếu cần nhận xét thêm các phần cụ thể, em hãy ghi vào cột nhận xét.*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ đạt được** | | | | | **Nhận xét cụ thể** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| 1. Sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô |  |  |  |  |  |  |
| 2. Dẫn dắt được vào vấn đề nghị luận, nêu được vấn đề |  |  |  |  |  |  |
| 3. Nêu được quan niệm và biểu hiện sống giản dị |  |  |  |  |  |  |
| 4. Phân tích được biểu hiện của lối sống giản dị và nêu được liên hệ bản thân |  |  |  |  |  |  |
| 5. Bảo đảm yêu cầu về chính tả |  |  |  |  |  |  |
| 6. Bảo đảm yêu cầu về diễn đạt |  |  |  |  |  |  |
| 7. Hình thức của đoạn văn đủ 3 phần |  |  |  |  |  |  |
| **Đánh giá chung:**  - Bài viết đạt mức độ chung là: Mức.........  - Tiêu chí đạt mức độ cao nhất: Tiêu chí ....... Vì..............................................................................................................................  ...........................................................................................................................................................................................................  ...........................................................................................................................................................................................................  - Tiêu chí đạt mức độ thấp nhất: Tiêu chí ....... Vì............................................................................................................................  ...........................................................................................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................................................................... | | | | | | |

*(Mức 1: yếu; mức 2: trung bình; mức 3: khá; mức 4: tốt; mức 5: rất tốt)*

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**NÓI – NGHE**

**THẢO LUẬN NHÓM VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**I. TRƯỚC GIỜ HỌC:**

- Đọc SGK, lập dàn ý và tập nói ở nhà theo hướng dẫn của SGK

- Mang theo 1 đồ vật (tranh ảnh / âm nhạc …) minh họa cho phần nói

- Phiếu học tập

**II. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**1. Ổn định lớp (1 phút)**

**2. Kiểm tra phần chuẩn bị bài của học sinh (Lồng ghép trong tiết học)**

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** | |
| *a) Mục tiêu:* Tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh; tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập.  *b) Nội dung:* HS chia sẻ theo kĩ thuật THINK – PAIR – SHARE  *c) Sản phẩm:* Phần chia sẻ của HS  *d) Tổ chức hoạt động:* | |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| GV yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ của mình về nội dung:  ***Vấn đề được đề cập đến trong cuộc sống*** **khi xem đoạn video** qua kĩ thuật THINK – PAIR – SHARE.  + THINK: Suy nghĩ cá nhân  + PAIR: Chia sẻ cặp đôi  - SHARE: Chia sẻ suy nghĩ của mình với cả lớp  *-* GV quan sát, hỗ trợ, nhận xét.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện yêu cầu  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 nhóm HS chia sẻ về kết quả hoạt động  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  *Các em ạ, thế giới của chúng ta có biết bao nhiêu vấn đề cần quan tâm như dân số thế giới gia tăng gần cán mốc 8 tỉ người, môi trường trên Trái Đất đang bị ô nhiêm, dịch bệnh bùng phát ở một số nơi. Đối với một học sinh, một công dân tương lai của toàn cầu thì vấn đề gì khiến con quan tâm? => Mời một vài học sinh trả lời*  *Có những vấn đề chúng ta cần thảo luận, cần sự sẻ chia để thấu hiểu và có biện pháp ứng phó thích hợp* **.** *Một trong các vấn đề mà chúng ta cần quan tâm là gì. Điều đó sẽ được trả lời trong tiết* ***Nói-nghe: Thảo luận nhóm về một vấn đề trong đời sống****. Vậy làm thế nào để trở thành người nói hấp dẫn, người nghe tích cực chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay.* |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| ***a) Mục tiêu:***Trang bị cho học sinh những kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở hoạt động khởi động.  ***b) Nội dung:*** HS tìm hiểu khái niệm, các yêu cầu khi nói nghe và các bước cụ thể của bài nói nghe: Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương  ***c) Sản phẩm:*** Phần trả lời ở sơ đồ Graph của HS  ***d) Tổ chức thực hiện:*** | |
| **Hoạt động 1. Tìm hiểu phần định hướng** | |
| **1. Tìm hiểu về yêu cầu một bài văn “thảo luận nhóm về một vấn đề trong đời sống”**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thêm phần Định hướng, hoàn thành phiếu học tập  + Thảo luận nhóm về một vấn đề là gì?  + Mục đích của thảo luận nhóm?  + Lưu ý khi thảo luận nhóm về một vấn để  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc SGK , thảo luận nhóm cặp và hoàn thiện phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Trả lời miệng, cá nhân  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **2. Học sinh luyện nói**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS chuẩn bị bài nói theo các bước:  + Chuẩn bị các thiết bị như tranh, ảnh, video, phương tiện trình bày (nếu có).  + Học sinh luyện đọc theo nhóm  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  - GV đọc bài mẫu trước khi thực hành trình bày bài nói. | **I. Định hướng** |
| **Nhiệm vụ 2: Thực hành trình bày bài nói** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  (1) GV chiếu đề bài: Thảo luận nhóm về vấn đề: “Thế nào là lối sống giản dị” và hỏi: Nhắc lại các bước chung khi trình bày 1 bài nói – nghe  (2) GV chiếu lại dàn ý mẫu đã phát cho HS từ buổi trước  (3) Yêu cầu HS đọc nhẩm lại dàn ý đã chuẩn bị ở nhà và luyện nói với bạn cùng bàn và chấm điểm cho nhau theo bảng tiêu chí sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Mức độ** | | | | **Chưa đạt** | **Đạt** | **Tốt** | | **1. Nội dung bài nói** | Chưa tập trung vào trình bày suy nghĩ và tình cảm gắn bó con người với quê hương | Tập trung vào trình bày suy nghĩ và tình cảm gắn bó con người với quê hương | Tập trung vào trình bày suy nghĩ và tình cảm gắn bó con người với quê hương, truyền được cảm hứng cho người nghe | | **2. Ngôn ngữ sử dụng** | Chưa phù hợp với mục đích và đối tượng nghe | Đôi chỗ chưa phù hợp với mục đích và đối tượng nghe | Phù hợp với mục đích và đối tượng nghe | | **3. Giọng nói** | Nói nhỏ, khó nghe, ngập ngứng | Nói to nhưng đôi chỗ hơi vấp | Nói to, truyền cảm, mạch lac, rõ ràng | | **4. Sử dụng ngôn ngữ cơ thể** | Thiếu tự tin, chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm khuôn mặt chưa phù hợp | Tự tin, chưa nhìn vào người nghe, nét mặt phù hợp với nội dung câu chuyện | Tự tin, chú ý người nghe, cử chỉ nét mặt sinh động | | **5. Mở đầu và kết thúc** | Không chào hỏi và không cảm ơn khi két thúc | Có chào hỏi và kết thúc bài nói | Có chào hỏi và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ  *-* GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Trả lời miệng, cá nhân  - Dự kiến sản phẩm:  (1) Đọc đề và nêu lại các bước: Chuẩn bị à Tìm ý và lập dàn ý à Nói và nghe à Kiểm tra và chỉnh sửa  (2) Đọc lại dàn bài mẫu  (3) Thực hành với bạn cùng bàn và nhận xét theo tiêu chí  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **II. Thực hành**  a/ Đề bài: Thảo luận nhóm về vấn đề: “Thế nào là lối sống giản dị”  b/ Các bước:  - Chuẩn bị bài.  - Tìm ý và lập dàn ý.  - Thực hành: Nói và nghe .  - Kiểm tra và chỉnh sửa. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| ***a) Mục tiêu:*** Hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.  ***b) Nội dung:***Thảo luận nhóm về vấn đề: “Thế nào là lối sống giản dị”  ***c) Sản phẩm:***Phần nói của HS  ***d) Tổ chức hoạt động:*** | |
| **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV tổ chức phần SHOW AND TELL:  + Mời 2-3 HS lên bảng nói trước lớp  + Mỗi bạn sẽ cầm đồ vật / tranh ảnh / mở bài hát/ video liên quan đến bài nói của mình và nói trước lớp  + HS ở dưới chú ý theo dõi và nhận xét bài bạn theo kĩ thuật 3-2-1: 3 khen – 2 góp ý – 1 thắc mắc  **HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS luyện nói và những bạn khác lắng nghe, nhận xét  *-* GV quan sát, hỗ trợ.  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Người nói: Trình bày cá nhân; Giải đáp thắc mắc.  - Người nghe: Nhận xét dựa vào bảng tiêu chí.  - GV nghe HS trình bày.  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **III. Luyện tập:**  1. Chuẩn bị bài nói  2. Luyện tập nói trước khi trình bày  3. Trình bày bài nói  4. Bổ sung bài nói. |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **a. Mục tiêu:** Phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.  **b. Nội dung:** BTVN Thực hành nói tại nhà: Quay video chia sẻ ý kiến về 1 vấn đề trong đời sống của cá nhân và up lên Facebook / Tiktok …  **c. Sản phẩm học tập:** Video quay lại phần nói của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS quay lại video, chia sẻ ý kiến về 1 vấn đề trong đời sống của cá nhân và up lên Facebook / Tiktok …  **HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện quay video luyện nói ở nhà  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Lên dàn ý, luyện nói và quay lại video  - Up video lên Facebook / Tiktok …  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - HS nhận xét và bình chọn bài nói hay nhất và truyền cảm hứng nhất  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | |

**4. Hướng dẫn tự học ở nhà:**

**\* Bài cũ:** Hoàn thành bài nói.

**\* Bài mới:**

- Hoàn thành bài soạn: ***Bài 9 – Tùy bút và tản văn***

***+ Nhóm 1,2: Tìm hiểu kiến thức ngữ Văn***

***+ Nhóm 3,4: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm văn bản “Cây tre Việt Nam”***

**\* RÚT KINH NGHIỆM**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tài liệu tham khảo**

**Bài mẫu nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống**

**Nghị luận về vấn đề học sinh nghiện game**

**Bài làm**

Hiện nay, trong xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu về vật chất và tinh thần của con người ngày càng cao dẫn đến sự phát triển của khoa học kĩ thuật và công nghệ thông tin.

Trong đó, Internet – nơi hội tụ các nguồn thông tin trở thành thế giới thu nhỏ được mọi người đặc biệt quan tâm, nhất là các bạn học sinh, thanh niên. Trên Internet có rất nhiều thể loại giải trí khác nhau làm cho nhiều bạn trẻ lạm dụng dẫn đến tình trạng nghiện ngập và trở thành vấn đề nóng mà mọi người vô cùng bức xúc. Nghiện Internet là lạm dụng quá mức, sử dụng vô tổ chức ở mọi lúc mọi nơi, không làm chủ bản thân, bỏ cả ăn uống, nghỉ ngơi, học hành mà sa đọa trong thế giới hư ảo.

**Có rất nhiêu nguyên nhân dẫn đến nghiện Internet nhưng chủ yếu là do bản thân các bạn trẻ chưa nhận thức được mặt trái của Internet**, còn ham chơi, tò mò, hiếu động, muốn chứng tỏ bản thân với người xung quanh. Các bậc phụ huynh chưa quản lí chặt chẽ con em mình, còn thiếu sót trong vấn đề giáo dục con cái. Nhà nước và chính quyền địa phương không quản lí các tiệm internet, để mặc các chủ tiệm mở cửa sát bên trường học và mọc lên ngày càng nhiều.

Trong xã hội đang phát triển và hội nhập, chúng ta không thể phủ nhận tiện ích mà Internet mang lại, Internet trở thành từ điển sống của tất cả mọi người. Nhờ Internet, con người có thể tra cứu tài liệu, cập nhật thông tin hàng ngày, hàng giờ mà không mất thời gian, công sức; là công cụ làm việc đối với một số ngành công nghệ thông tin; cung cấp các thể loại giải trí như phim, âm nhạc, trò chơi… Nhưng bên cạnh đó có không ít tác hại do việc quá lạm dụng của các bạn học sinh, thanh niên. Ngoài những thông tin hữu ích, Internet còn chứa rất nhiều những thông tin mang tính chất đồi trụy; các trò chơi giải trí bạo lực khiến nhiều bạn trẻ nghiện bỏ rơi cuộc sống thực tại. Từ đó tệ nạn xã hội cũng xảy ra nhiều hơn như giết người, trộm cắp để thỏa cơn nghiện… Rất nhiều bạn mắc bệnh hoang tưởng từ những trò chơi khiến gia đình vô cùng lo lắng, xã hội vô cùng bức xúc. Có thể nói Internet cũng là nguyên nhân dẫn đến suy thoái đạo đức con người.

Bởi vậy, mỗi chúng ta hãy biết tự trang bị kiến thức về Internet cho bản thân để tránh tình trạng nghiện ngập. Các bậc phụ huynh, nhà nước, chính quyền, đặc biệt là trường học phải quan tâm, quản lí, giáo dục các bạn trẻ tránh xa những tư tưởng không lành mạnh, giúp đỡ người nghiện ngập quay về thế giới thực, không để họ mãi chìm đắm trong cái thế giới hư vô có thể giết người này.

Trong mỗi chúng ta, ai cũng xứng đáng được hưởng những điều tốt đẹp của cuộc sống, ai cũng có quyền thả mình vào Internet nhưng đừng lạm dụng nó, phải biết chắt lọc, biết dừng lại đúng lúc trước khi biến thành con nghiện.